

Số: 41/2024/QĐST-HNGĐ

L, ngày 23 tháng 5 năm 2024

H
QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TOÀ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH T

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hân, ông Thẩm Văn Minh.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị H T H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu T, xã S, huyện L, tỉnh T

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Bà Đỗ Hồng Nhung- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

- Bị đơn: Anh H V T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu T, xã S, huyện L, tỉnh T

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Bà Bùi Thị Thanh Nga- Trợ giúp viên pháp lý- trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H T H và anh H V T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thỏa thuận, anh H V T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hà Anh Tú, sinh ngày 26/3/2014 và Hà Anh Tùng, sinh ngày 14/4/2017,

kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu.

Chị H T H được quyền thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh H V T và các thành viên gia đình không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị H T H và anh H V T đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hôn nhân gia đình.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- UBND xã L;
- Thi hành án DS huyện L;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Thảo